

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Đức Anh	Cổ đông lớn
Công ty CP Đầu tư NTP	Cổ đông lớn
Bà Văn Lê Hằng	Cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông Công ty	

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

<u>Cung cấp dịch vụ</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Công ty CP Đầu tư NTP	27.572.500.000	-
Phí tư vấn đầu tư (i)	25.000.000.000	-
Phí chuyển nhượng quyền mua (ii)	2.572.500.000	-
Ông Nguyễn Đức Anh	2.572.500.000	-
Phí chuyển nhượng quyền mua (ii)	2.572.500.000	-
Bà Văn Lê Hằng	354.383.750	-
Phí chuyển nhượng quyền mua	354.383.750	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	107.287.250	-
Phí chuyển nhượng quyền mua	107.287.250	-
<b>Cộng</b>	<b>30.606.671.000</b>	<b>-</b>

(i) Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 28/6/2023.

(ii) Công ty CP Đầu tư NTP đã chuyển nhượng 70.000.000 quyền mua mã chứng khoán DSC cho ông Nguyễn Đức Anh với tổng giá trị chuyển nhượng là 35.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền mua chứng khoán số 01/2023/HĐCNQM\_DSC/NTP-NDA ngày 28/6/2023. Tổng phí chuyển nhượng quyền mua Công ty thu được từ giao dịch này là 5.145.000.000 VND.

**Góp vốn**

Trong năm, các cổ đông công ty đã thực hiện giao dịch góp vốn như tại Thuyết minh 4.16 "Vốn chủ sở hữu".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị</b>	<b>2.439.500.000</b>
Ông Nguyễn Đức Anh	832.000.000
Ông Vũ Nhật Lâm	1.365.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	162.500.000
Ông Bạch Quốc Vinh	80.000.000
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	<b>130.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	130.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2.600.000.000</b>
Ông Bạch Quốc Vinh	2.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.169.500.000</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp)**

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)

Năm 2022	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động khác (i) VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu	45.353.775.383	25.931.006.298	796.189.240	94.778.839.451	166.859.810.372
2. Các chi phí trực tiếp	11.804.368.030	31.621.178.471	668.200.001	6.589.347.622	50.683.094.124
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	74.452.267.198
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	671.450.997
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>33.549.407.353</b>	<b>(5.690.172.173)</b>	<b>127.989.239</b>	<b>88.189.491.829</b>	<b>42.395.900.047</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>					
1. Tài sản bộ phận	1.124.426.534.114	5.040.971.118	-	1.244.456.946.940	2.373.924.452.172
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	35.409.551.302
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.124.426.534.114</b>	<b>5.040.971.118</b>	<b>-</b>	<b>1.244.456.946.940</b>	<b>2.409.334.003.474</b>
<b>Nợ phải trả tại ngày 01/01/2023</b>					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	1.906.609.480	-	-	1.906.609.480
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.341.939.354.671
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>1.906.609.480</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.343.845.964.151</b>

(i) Hoạt động khác bao gồm hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động đầu tư vào tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn, cho vay và hoạt động tư vấn tài chính.

**Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu  
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**


**7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 04/7/2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã gửi tờ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết cổ phiếu DSC tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thực hiện việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Thời điểm thay đổi trong năm 2023, 2024 hoặc thời điểm khác phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, tình hình thị trường và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thực hiện việc thay đổi này.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**7.5 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.

  
**Nguyễn Thị Ánh Tuyết**  
Người lập  
Ngày 22 tháng 01 năm 2024

  
**Trần Minh Toàn**  
Kế toán trưởng

  
  
**Bạch Quốc Vinh**  
Tổng Giám đốc







**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN DSC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>2 – 3</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	<b>4 – 5</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Báo cáo tình hình tài chính	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động	9 – 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 – 47



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Vũ Nhật Lâm	Thành viên

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Đức Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bạch Quốc Vinh – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đức Anh ủy quyền ký Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Giấy ủy quyền số 04/2024/UQ-CTHĐQT/DSC ngày 04/07/2024.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Đỗ Thị Tuyên*



## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Stamp: S.Đ.P. 29 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Ngày 5 tháng 3 năm 2025



RSM

RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội

Tầng 25 Tháp A, toà nhà Discovery Complex,  
số 302 Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

T: 024 3795 5353

F: 024 3795 5252

[www.rsmglobal/vietnam](http://www.rsmglobal/vietnam)

[www.rsmhanoi.com.vn](http://www.rsmhanoi.com.vn)

Số: 09/2025/RSMHN-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của  
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 47. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU**  
**KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN**

RSM Việt Nam là một thành viên của mạng lưới RSM. RSM là tên giao dịch được sử dụng bởi các thành viên của mạng lưới RSM. Mỗi thành viên của mạng lưới RSM là một công ty kiểm toán và tư vấn độc lập với các quyền riêng. Mạng lưới RSM không có tư cách pháp nhân theo luật pháp tại bất kỳ quốc gia nào.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Hoàng Thị Vinh**  
**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2023-026-1

**Lê Đại Dương**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
4650-2021-026-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2025





**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.756.139.855.473</b>	<b>4.083.140.920.041</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>5.751.946.696.325</b>	<b>4.079.570.710.545</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	480.274.656.275	63.163.827.831
1.1. Tiền	111.1		480.274.656.275	63.163.827.831
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	112	4.3.1	2.779.791.689.000	1.678.898.604.741
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	4.3.2	270.000.000.000	443.456.986.302
4. Các khoản cho vay	114	4.3.3	2.186.281.583.458	1.491.524.069.980
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	4.4	(36.224.742.061)	(36.190.290.925)
6. Các tài sản tài chính khác	117	4.5	66.304.341.774	438.706.120.661
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	177.1		-	349.729.000.000
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		66.304.341.774	88.977.120.661
6.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		33.396.122.603	11.930.216.170
6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		32.908.219.171	77.046.904.491
7. Trả trước cho người bán	118	4.5	4.225.000.000	736.662.000
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4.5	2.930.328.081	910.890.157
9. Các khoản phải thu khác	122	4.5	243.010.092	243.010.092
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	4.5	(1.879.170.294)	(1.879.170.294)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>4.193.159.148</b>	<b>3.570.209.496</b>
1. Tạm ứng	131	4.5	70.204.715	133.368.180
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.6	3.158.044.433	2.836.841.316
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		914.640.000	600.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	137		50.270.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.150.267.357</b>	<b>39.507.306.875</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.889.090.993</b>	<b>15.689.598.371</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8.056.821.857	8.903.523.778
Nguyên giá	222		14.966.290.869	13.507.833.770
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(6.909.469.012)	(4.604.309.992)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	5.832.269.136	6.786.074.593
Nguyên giá	228		10.886.918.480	10.613.474.480
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.054.649.344)	(3.827.399.887)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>22.261.176.364</b>	<b>23.817.708.504</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.496.952.886	3.099.484.500
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.6	9.992.418.455	13.664.256.972
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	4.9	9.771.805.023	7.053.967.032
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.792.290.122.830</b>	<b>4.122.648.226.916</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.390.676.192.879</b>	<b>1.888.854.149.281</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.388.326.479.655</b>	<b>1.887.721.412.582</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	4.15	3.340.274.390.000	1.849.251.760.300
1.1. Vay ngắn hạn	312		3.340.274.390.000	1.849.251.760.300
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	4.10	1.953.212.364	3.769.685.931
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.11	517.873.252	1.317.159.064
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		240.000.000	209.500.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	4.14	25.381.397.583	17.953.451.681
6. Phải trả người lao động	323		7.830.541.661	8.148.510.759
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		194.267.480	191.207.480
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	4.12	6.219.144.612	3.758.276.366
9. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		104.500.000	104.500.000
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	4.13	2.295.928.729	3.005.944.951
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		3.315.223.974	11.416.050
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>2.349.713.224</b>	<b>1.132.736.699</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	6.6	2.349.713.224	1.132.736.699
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.16</b>	<b>2.401.613.929.951</b>	<b>2.233.794.077.635</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.401.613.929.951</b>	<b>2.233.794.077.635</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.048.889.250.000	2.048.889.250.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.048.389.250.000	2.048.389.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1 a		2.048.389.250.000	2.048.389.250.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		500.000.000	500.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		138.256.882	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		352.448.166.187	184.628.313.871
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.792.290.122.830</b>	<b>4.122.648.226.916</b>




**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

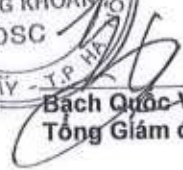
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		204.838.925	204.838.925
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (VND)	008	5.1	112.079.760.000	64.061.090.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	012	5.2	11.940.000	11.940.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	021		9.412.739.210.000	7.750.631.269.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		9.193.422.790.000	7.572.673.069.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		124.572.700.000	51.830.500.000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		645.640.000	16.896.640.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		94.098.080.000	109.231.060.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	022		1.179.430.000	926.430.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.179.430.000	926.430.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)	023	5.3	94.075.300.000	123.529.550.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư (VND)	025	5.4	8.191.680.000	111.762.740.000
5. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026	5.5	290.098.983.593	462.744.420.595
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		289.824.563.378	462.704.308.296
5.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		274.420.215	40.112.299
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		17.997.037	35.703.451
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		256.423.178	4.408.848
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		290.076.907.821	462.690.540.313
6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		289.916.308.289	462.685.865.361
6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		160.599.532	4.674.952
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	5.6	22.075.772	53.880.282

  
**Nguyễn Thị Ánh Tuyết**  
Người lập  
Ngày 5 tháng 3 năm 2025

  
**Trần Minh Toàn**  
Kế toán trưởng



  
**Bạch Quốc Vinh**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		179.126.840.914	148.026.070.092
- Lãi bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.1		28.532.163.322	16.651.149.068
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.2		53.945.648.351	24.924.810.201
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.3	6.1	96.649.029.241	106.450.110.823
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	6.1	9.980.263.314	17.906.837.205
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	6.1	197.292.446.866	135.356.561.328
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		103.975.163.406	103.914.009.439
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		2.761.000.000	27.640.000.000
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		3.143.235.986	2.223.600.150
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		6.581.818.182	3.168.181.818
1.9. Doanh thu hoạt động khác	11		248.466.246	211.624.559
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>503.109.234.914</b>	<b>438.446.884.591</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		34.782.555.522	1.380.886.079
- Lỗ bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.1		4.095.684.751	658.384.189
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.2		29.826.863.351	615.646.090
- Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ			860.007.420	106.855.800
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	6.2	34.451.136	33.065.268.191
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	10.870.000
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	6.2	121.230.854.531	102.963.804.554
2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	6.2	1.076.413.500	5.679.474.537
2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	6.2	3.117.307.998	5.480.482.436
2.7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	6.2	3.353.921.807	2.494.674.288
2.8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	6.2	1.892.252.164	282.014.547
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>165.487.756.658</b>	<b>151.347.372.642</b>





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại)
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		2.505.555.661	2.314.788.934
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>2.505.555.661</b>	<b>2.314.788.934</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chi phí lãi vay	52	6.3	71.932.753.915	100.846.775.758
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>6.4</b>	<b>47.495.849.385</b>	<b>38.401.736.621</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>70</b>		<b>220.698.430.617</b>	<b>150.165.788.504</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71		52.687.903	147.013
8.2. Chi phí khác	72		65.859.514	199.518
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>(13.171.611)</b>	<b>(52.505)</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>90</b>		<b>220.685.259.006</b>	<b>150.165.735.999</b>
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>43.865.406.690</b>	<b>30.248.947.687</b>
10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	6.5	42.648.430.165	29.116.210.988
10.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2	6.6	1.216.976.525	1.132.736.699
<b>XI. LÃI KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>200</b>		<b>176.819.852.316</b>	<b>119.916.788.312</b>
<b>XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		-	-
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>		-	-
<b>XIII. LÃI THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHÓ THÔNG</b>	<b>500</b>		<b>176.819.852.316</b>	<b>119.916.788.312</b>
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	4.16.4	863	753
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	4.16.4	863	753

  
**Nguyễn Thị Anh Tuyết**  
Người lập  
Ngày 5 tháng 3 năm 2025

  
**Trần Minh Toàn**  
Kế toán trưởng

  
**Bạch Quốc Vinh**  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	6.5	220.685.259.006	150.165.735.999
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(1.264.995.795)	61.535.724.165
- Khấu hao tài sản cố định	03		3.897.088.210	3.615.875.914
- Các khoản dự phòng	04		34.451.136	33.065.268.171
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(9.188.437.080)	(2.314.788.934)
- Chi phí lãi vay	06	6.3	71.932.753.915	100.846.775.758
- Dự thu tiền lãi	08		(67.940.851.976)	(73.677.406.744)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		29.826.863.351	615.646.090
- Lỗ đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		29.826.863.351	615.646.090
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(53.945.648.351)	(24.924.810.201)
- (Lãi) đánh giá giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(53.945.648.351)	(24.924.810.201)
5. (Lỗ) từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	30		(1.275.718.519.799)	(1.712.826.431.409)
- (Tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(1.076.774.299.259)	(530.162.906.516)
- Giảm/(tăng) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		173.456.986.302	(230.456.986.302)
- (Tăng) các khoản cho vay	33		(694.757.513.478)	(493.845.757.697)
- Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		440.342.630.863	(330.413.628.887)
- (Tăng) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(1.988.937.924)	(363.902.551)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39		(4.815.454)	2.269.629
- Giảm/(tăng) các tài sản khác	40		63.163.465	(5.153.280)
- Tăng chi phí phải trả	41		22.386.335	438.090.648
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	42		3.350.635.400	(2.981.779.327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	4.14	(33.928.525.007)	(23.021.875.616)
- Lãi vay đã trả	44		(69.494.272.004)	(107.642.186.926)
- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45		(6.309.297.379)	2.839.175.301
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		3.060.000	13.290.000
- (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		(1.291.959.256)	1.891.070.370
- (Giảm)/tăng phải trả người lao động	48		(317.969.098)	2.725.244.566
- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	50		(504.816.222)	501.559.501
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		287.891.614	279.041.592
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(7.872.868.697)	(2.621.995.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(1.080.417.041.588)	(1.525.434.135.356)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	61		(2.096.580.832)	(831.658.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	62		2.727.273	-
3. Tiền thu từ hoạt động đầu tư tài chính dài hạn	65		8.599.093.891	2.314.788.934
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		6.505.240.332	1.483.130.419
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	71	4.16	-	1.048.389.250.000
2. Tiền thu từ đi vay	73	4.15	11.062.938.289.725	9.900.591.451.808
2.1. Tiền vay khác	73.2		11.062.938.289.725	9.900.591.451.808
3. Tiền trả nợ gốc vay	74	4.15	(9.571.915.660.025)	(9.362.433.782.998)
3.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(9.571.915.660.025)	(9.362.433.782.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		1.491.022.629.700	1.586.546.918.810
<b>TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	90		417.110.828.444	62.595.913.873
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	4.1	63.163.827.831	567.913.958
Tiền	101.1		63.163.827.831	567.913.958
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	4.1	480.274.656.275	63.163.827.831
Tiền	103.1		480.274.656.275	63.163.827.831
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-



**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		38.730.833.636.490	34.882.290.098.260
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(40.374.252.786.110)	(33.903.794.592.140)
3. (Chi trả)/Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		1.473.023.887.127	(728.930.863.810)
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(2.250.174.509)	(1.763.608.329)
<b>Tổng tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>		<b>(172.645.437.002)</b>	<b>247.801.033.981</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>462.744.420.595</b>	<b>214.943.386.614</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		462.744.420.595	214.943.386.614
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		462.704.308.296	213.327.402.277
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		40.112.299	1.615.984.337
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>40</b>	<b>5.5</b>	<b>290.098.983.593</b>	<b>462.744.420.595</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		290.098.983.593	462.744.420.595
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		289.824.563.378	462.704.308.296
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		274.420.215	40.112.299

  
Nguyễn Thị Ánh Tuyết  
Người lập  
Ngày 5 tháng 3 năm 2025

  
Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng

  
Bách Quốc Vĩnh  
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm		Đơn vị tính: VND
		Tại ngày	Tại ngày	Năm trước	Năm nay	Tại ngày	Tại ngày	
		01/01/2023	01/01/2024	Tăng	Giảm	31/12/2023	31/12/2024	
A	B	1	2	3	4	5	6	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu	4.16	1.065.488.039.323	2.233.794.077.635	1.168.306.038.312	-	176.819.852.316	(9.000.000.000)	2.233.794.077.635
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.500.000.000	2.048.889.250.000	1.048.389.250.000	-	-	-	2.048.889.250.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.000.000.000.000	2.048.389.250.000	1.048.389.250.000	-	-	-	2.048.389.250.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	-	-	500.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối		64.711.525.559	184.628.313.871	119.916.788.312	-	176.819.852.316	(9.000.000.000)	184.628.313.871
Tổng cộng		1.065.488.039.323	2.233.794.077.635	1.168.306.038.312	-	176.819.852.316	(9.000.000.000)	2.233.794.077.635
II. Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-



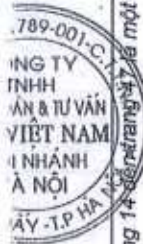
Nguyễn Thị Anh Tuyết  
Người lập  
Ngày 5 tháng 3 năm 2025



Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng



Bach Quốc Vinh  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 14 đến trang 17 và một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

11/01/2025



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và lần thay đổi bổ sung gần nhất ngày 23/8/2023 theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK điều chỉnh vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất là 2.048.389.250.000 VND. Số lượng cổ phiếu là 204.838.925 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngày 24/09/2024, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DSC theo Quyết định số 550/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/09/2024.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 221 người (tại ngày 01/01/2024 là 208 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Tự doanh;
- Môi giới chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC – Phòng giao dịch Hàm Long	Tầng 1 số 14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Tầng 03, số 130 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**1.6 Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán**

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

**3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp)**

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

### **3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp)**

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

**3.6 Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu hoặc;
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng riêng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán hoặc các quyền tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính**

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"), cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

**3.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính**

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- a) Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- b) Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động.

- Chi phí thiết kế, thi công văn phòng;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí trả trước khác;

**3.11 Thuê tài sản*****Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.12 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

**3.13 Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 Tài sản cố định vô hình và hao mòn (tiếp)**

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích. Cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</b>
Phần mềm máy vi tính	03 – 08

***Bảng sáng chế và nhãn hiệu***

Bảng sáng chế và nhãn hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</b>
Bảng sáng chế và nhãn hiệu	03 – 05

**3.14 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.15 Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

***Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán***

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: Các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ.

***Thu nhập lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

***Cổ tức***

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ khác***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**3.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

**3.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu**

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu tiềm năng dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2024, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.19 Thuế (tiếp)**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp)***

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

***Thuế giá trị gia tăng***

- Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch kỳ quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;
- Hoạt động khác: Chịu thuế suất 10%.

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	480.274.656.275	63.163.827.831
<b>Cộng</b>	<b>480.274.656.275</b>	<b>63.163.827.831</b>

**4.2 Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm**

	Năm 2024		Năm 2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)
<b>Của Công ty</b>	<b>180.753.463</b>	<b>17.953.913.387.700</b>	<b>32.239.560</b>	<b>3.263.606.926.223</b>
Cổ phiếu	19.613.463	577.055.097.700	10.913.201	291.892.275.280
Trái phiếu	161.140.000	17.376.858.290.000	21.326.359	2.971.714.650.943
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>3.439.688.042</b>	<b>79.137.231.732.010</b>	<b>3.631.325.811</b>	<b>68.990.464.440.000</b>
Cổ phiếu	3.439.652.242	79.136.074.420.000	3.631.298.011	68.990.225.430.000
Chứng chỉ quỹ	34.800	1.041.210.000	27.800	239.010.000
Trái phiếu	1.000	116.102.010	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.620.441.505</b>	<b>97.091.145.119.710</b>	<b>3.663.565.371</b>	<b>72.254.071.366.223</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.3 Các loại tài sản tài chính

4.3.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết				
ACB	297.996.541.471	319.791.689.000	206.634.531.553	227.337.770.741
VAB	98.512.350.000	104.195.106.000	62.986.440.000	70.323.360.000
OCB	1.455.818.259	1.375.524.000	2.897.790.000	574.541.741
FPT	672.000.000	762.500.000	1.581.600.167	1.596.000.000
SSI			67.897.158.174	72.843.800.000
MBB			71.271.085.000	82.000.000.000
CTG	63.563.840.000	69.092.770.000	-	-
HCM	70.138.020.000	80.582.040.000	-	-
KDH	62.490.555.000	62.716.080.000	-	-
NLG	366.000.000	397.100.000	-	-
MWG	452.000.000	365.500.000	-	-
Cổ phiếu khác	345.500.000	305.000.000	-	-
	458.212	69.000	458.212	69.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.010.000	-	10.010.000	-
CTCP Xây dựng Công trình Giao thông Đà Nẵng	10.010.000	-	10.010.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	2.460.000.000.000	2.460.000.000.000	1.451.560.834.000	1.451.560.834.000
Cộng	2.758.006.551.471	2.779.791.689.000	1.658.205.375.553	1.678.898.604.741

4.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm	270.000.000.000	270.000.000.000	443.456.986.302	443.456.986.302
Cộng	270.000.000.000	270.000.000.000	443.456.986.302	443.456.986.302



11/1 5 06/2 17.11



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp)**

**4.3.3 Các khoản cho vay**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động kỳ quỹ	2.080.142.095.589	2.043.917.353.528	1.389.807.851.964	1.353.617.561.039
Ông Cấn Lương Minh (i)	1.518.200.000	22.004.787	1.518.200.000	32.273.688
Ông Nguyễn Quang Lĩnh (i)	1.220.900.000	20.225.142	1.220.900.000	29.663.542
Ông Tạ Ngọc Anh (i)	1.400.900.000	21.125.433	1.400.900.000	30.983.968
Ông Nguyễn Trung Toàn (i)	705.200.000	10.468.500	705.200.000	15.353.800
Bà Lê Thị Hồng (ii)	8.617.726.741	-	8.617.726.741	-
Ông Nguyễn Vĩnh Huy (iii)	8.617.726.741	-	8.617.726.741	-
Ông Nguyễn Kháng (ii)	14.217.912.441	-	14.217.912.441	-
Nhà đầu tư khác	2.043.843.529.666	2.043.843.529.666	1.353.509.286.041	1.353.509.286.041
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	106.139.487.869	106.139.487.869	101.716.218.016	101.716.218.016
<b>Cộng</b>	<b>2.186.281.583.458</b>	<b>2.150.056.841.397</b>	<b>1.491.524.069.980</b>	<b>1.455.333.779.055</b>

(i) Là những nhà đầu tư vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ từ năm 2016. Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản cho vay này bằng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2024 của các tài sản đảm bảo (cổ phiếu) và đánh giá rằng khó có khả năng thu hồi các khoản công nợ trên.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.4 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (i)	(36.224.742.061)	(36.190.290.925)
Ông Cần Lương Minh	(1.496.195.213)	(1.485.926.312)
Ông Nguyễn Quang Lĩnh	(1.200.674.858)	(1.191.236.458)
Ông Tạ Ngọc Anh	(1.379.774.567)	(1.369.916.032)
Ông Nguyễn Trung Toàn	(694.731.500)	(689.846.200)
Bà Lê Thị Hồng	(8.617.726.741)	(8.617.726.741)
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	(8.617.726.741)	(8.617.726.741)
Ông Nguyễn Kháng	(14.217.912.441)	(14.217.912.441)
<b>Cộng</b>	<b>(36.224.742.061)</b>	<b>(36.190.290.925)</b>

(i) Trích lập dự phòng như tại Thuyết minh 4.3.3 "Các khoản cho vay".

**4.5 Các khoản phải thu**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính. Trong đó:	66.304.341.774	438.706.120.661
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	33.396.122.603	11.930.216.170
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	32.908.219.171	77.046.904.491
- Phải thu bán các tài sản tài chính	-	349.729.000.000
2. Trả trước cho người bán	4.225.000.000	736.662.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Kinh doanh Xây dựng và Nội thất An Phú	3.740.000.000	-
Công ty khác	485.000.000	736.662.000
3. Các khoản phải thu khác	243.010.092	243.010.092
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (i)	(1.879.170.294)	(1.879.170.294)
5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2.930.328.081	910.890.157
6. Tạm ứng	70.204.715	133.368.180
<b>Cộng</b>	<b>71.893.714.368</b>	<b>438.850.880.796</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thanh Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.5 Các khoản phải thu (tiếp)**

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 01/01/2024 VND	Số dự phòng tại ngày 01/01/2024 VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2024 VND	Số dự phòng tại ngày 31/12/2024 VND
<b>Các khoản phải thu khác</b>						
Bà Võ Thị Xuân Trang	242.660.092	242.660.092	-	-	242.660.092	242.660.092
Bà Nguyễn Thị Thủy	23.322.825	23.322.825	-	-	23.322.825	23.322.825
	219.337.267	219.337.267	-	-	219.337.267	219.337.267
<b>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</b>						
Bà Lê Thị Hồng	1.636.510.202	1.636.510.202	-	-	1.636.510.202	1.636.510.202
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	448.382.887	448.382.887	-	-	448.382.887	448.382.887
Ông Nguyễn Kháng	448.382.887	448.382.887	-	-	448.382.887	448.382.887
	739.744.428	739.744.428	-	-	739.744.428	739.744.428
<b>Cộng</b>	<b>1.879.170.294</b>	<b>1.879.170.294</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.879.170.294</b>	<b>1.879.170.294</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.6 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	148.335.074	9.201.985
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.009.709.359	2.827.639.331
<b>Cộng</b>	<b>3.158.044.433</b>	<b>2.836.841.316</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	3.556.098.474	7.298.827.733
Chi phí thiết kế và thi công văn phòng	4.586.583.257	4.750.699.871
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.849.736.724	1.614.729.368
<b>Cộng</b>	<b>9.992.418.455</b>	<b>13.664.256.972</b>

**4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2024	12.633.143.514	874.690.256	13.507.833.770
Mua sắm	32.120.000	1.791.016.832	1.823.136.832
Thanh lý, nhượng bán	(364.679.733)	-	(364.679.733)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>12.300.583.781</b>	<b>2.665.707.088</b>	<b>14.966.290.869</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2024	4.533.676.995	70.632.997	4.604.309.992
Khấu hao	2.273.427.435	396.411.318	2.669.838.753
Thanh lý, nhượng bán	(364.679.733)	-	(364.679.733)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>6.442.424.697</b>	<b>467.044.315</b>	<b>6.909.469.012</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2024	8.099.466.519	804.057.259	8.903.523.778
Tại ngày 31/12/2024	5.858.159.084	2.198.662.773	8.056.821.857

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.583.546.780 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.650.546.513 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.8 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	88.000.000	132.000.000	10.393.474.480	10.613.474.480
Mua sắm	-	-	273.444.000	273.444.000
Tại ngày 31/12/2024	88.000.000	132.000.000	10.666.918.480	10.886.918.480
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	54.388.879	48.950.000	3.724.061.008	3.827.399.887
Khấu hao	29.333.328	26.400.000	1.171.516.129	1.227.249.457
Tại ngày 31/12/2024	83.722.207	75.350.000	4.895.577.137	5.054.649.344
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2024	33.611.121	83.050.000	6.669.413.472	6.786.074.593
Tại ngày 31/12/2024	4.277.793	56.650.000	5.771.341.343	5.832.269.136

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.157.317.800 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.930.878.800 VND).

**4.9 Tiền nộp vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán**

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và nghiệp vụ tự doanh.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	7.053.967.032	5.040.971.118
Tiền nộp bổ sung	2.176.676.621	1.689.672.535
Tiền lãi phân bổ trong năm	541.161.370	323.323.379
<b>Cộng</b>	<b>9.771.805.023</b>	<b>7.053.967.032</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.10 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Sở Giao dịch chứng khoán	1.446.656.952	1.717.154.896
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	506.555.412	2.052.531.035
<b>Cộng</b>	<b>1.953.212.364</b>	<b>3.769.685.931</b>

**4.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty CP Công nghệ Bằng Hữu	-	895.701.400
Các công ty khác	517.873.252	421.457.664
<b>Cộng</b>	<b>517.873.252</b>	<b>1.317.159.064</b>

**4.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả	5.632.078.883	3.193.596.972
Chi phí phải trả khác	587.065.729	564.679.394
<b>Cộng</b>	<b>6.219.144.612</b>	<b>3.758.276.366</b>

**4.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity	794.333.648	717.860.000
Cộng tác viên phát triển khách hàng	1.497.354.081	2.270.061.912
Đối tượng khác	4.241.000	18.023.039
<b>Cộng</b>	<b>2.295.928.729</b>	<b>3.005.944.951</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.14 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2024		Trong năm		Tại ngày 31/12/2024	
	Số dư	VND	Tăng	Khấu trừ	Số dư	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	-		38.196.462	38.196.462	-	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	5.856.259	642.278.691	733.224.977	-	96.802.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.545.076.967	33.928.525.007	42.648.430.165	-	22.264.982.125
Thuế thu nhập cá nhân	-	969.747.126	9.889.424.285	9.321.461.844	-	401.784.685
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	-	3.432.771.329	44.236.013.932	43.421.070.831	-	2.617.828.228
Nhà đầu tư	-	-	24.523.294	24.523.294	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>17.953.451.681</b>	<b>88.720.765.209</b>	<b>96.148.711.111</b>	-	<b>25.381.397.583</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2024		Trong năm		Tại ngày 31/12/2024	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (i)	1.261.384.274.800	1.261.384.274.800	7.591.217.289.725	7.285.796.174.525	1.566.805.390.000	1.566.805.390.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)	137.867.485.500	137.867.485.500	882.469.000.000	606.867.485.500	413.469.000.000	413.469.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (iii)	-	-	630.000.000.000	270.000.000.000	360.000.000.000	360.000.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội	450.000.000.000	450.000.000.000	1.559.252.000.000	1.409.252.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (v)	-	-	400.000.000.000	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	1.849.251.760.300	1.849.251.760.300	11.062.938.289.725	9.571.915.660.025	3.340.274.390.000	3.340.274.390.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)

Số hợp đồng	Số dư vay tại 31/12/2024 (VND)	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích
(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/1412941/HĐTD ngày 10/6/2024	1.566.805.390.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ trái phiếu chính phủ, giấy tờ có giá và chứng khoán khác. Đầu tư kinh doanh cổ phiếu.
(ii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT128-DSC ngày 16/12/2024	413.469.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư kinh doanh trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi. Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
(iii) Hợp đồng cấp tín dụng số 23/TAH/2748839/HĐCTD/01 ngày 31/8/2023	360.000.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư kinh doanh chứng chỉ tiền gửi do các Tổ chức tín dụng phát hành
(iv) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.0280/2024/HĐTDHM-DN/PGBankĐD ngày 07/5/2024	600.000.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ nhưng không quá 04 tháng	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh tự doanh của công ty
(v) Hợp đồng cấp tín dụng số CHA.DN.4960.251124 ngày 29/11/2024	400.000.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ nhưng không quá 04 tháng	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động chi trả chi phí vận hành, đầu tư, mua trái phiếu chính phủ; hoàn vốn cho các giao dịch đầu tư/mua trái phiếu chính phủ
Cộng	3.340.274.390.000			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.16 Vốn chủ sở hữu

4.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.000.000.000.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	64.711.525.559	1.065.488.039.323
Góp vốn	1.048.389.250.000	-	-	-	-	1.048.389.250.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	119.916.788.312	119.916.788.312
Tại ngày 31/12/2023	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	184.628.313.871	2.233.794.077.635
Tại ngày 01/01/2024	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	184.628.313.871	2.233.794.077.635
Lãi trong năm	-	-	-	-	176.819.852.316	176.819.852.316
Chia các quỹ (i)	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	352.448.166.187	2.401.613.929.951

(i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 9.000.000.000 VND từ lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-DHĐCĐ/DSC ngày 25/3/2024.

THÀNH CÔNG



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**4.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Đức Anh	729.998.000.000	35,64	729.998.000.000	35,64
Công ty CP Quản lý Quỹ NTP	700.000.000.000	34,17	700.000.000.000	34,17
Các cổ đông khác	618.391.250.000	30,19	618.391.250.000	30,19
<b>Cộng</b>	<b>2.048.389.250.000</b>	<b>100</b>	<b>2.048.389.250.000</b>	<b>100</b>

**4.16.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2024 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	205.000.000	205.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	204.838.925	204.838.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	204.838.925	204.838.925
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	204.838.925	204.838.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	204.838.925	204.838.925
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.16.4 Lãi cơ bản/thu nhập pha loãng trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 (Trình bày lại) VND
Lãi kế toán sau thuế TNDN (VND)	176.819.852.316	119.916.788.312
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	9.000.000.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	204.838.925	147.319.789
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>863</b>	<b>753</b>

(i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 9.000.000.000 VND từ lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 25/3/2024.

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu nên thu nhập pha loãng trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**5.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	112.079.760.000	64.061.090.000
<b>Cộng</b>	<b>112.079.760.000</b>	<b>64.061.090.000</b>

**5.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cổ phiếu	11.940.000	11.940.000
<b>Cộng</b>	<b>11.940.000</b>	<b>11.940.000</b>

**5.3 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cổ phiếu và chứng quyền	94.075.300.000	123.529.550.000
<b>Cộng</b>	<b>94.075.300.000</b>	<b>123.529.550.000</b>

**5.4 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Cổ phiếu	8.191.680.000	111.762.740.000
<b>Cộng</b>	<b>8.191.680.000</b>	<b>111.762.740.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.5 Tiền gửi của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	289.824.563.378	462.704.308.296
- Của Nhà đầu tư trong nước	289.810.369.904	462.699.244.856
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	14.193.474	5.063.440
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	274.420.215	40.112.299
- Của Nhà đầu tư trong nước	17.997.037	35.703.451
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	256.423.178	4.408.848
<b>Cộng</b>	<b>290.098.983.593</b>	<b>462.744.420.595</b>

**5.6 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	22.075.772	53.880.282
<b>Cộng</b>	<b>22.075.772</b>	<b>53.880.282</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

**6.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính, cho vay và phải thu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	96.649.029.241	106.450.110.823
Từ tài sản tài chính HTM	9.980.263.314	17.906.837.205
Từ các khoản cho vay và phải thu	197.292.446.866	135.356.561.328
<b>Cộng</b>	<b>303.921.739.421</b>	<b>259.713.509.356</b>

**6.2 Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán, chi phí lương, chi phí khác)	121.230.854.531	102.963.604.584
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3.117.307.998	5.480.482.436
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.353.921.807	2.494.874.288
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.076.413.500	5.679.372.537
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay (i)	34.451.136	33.065.268.171
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.892.252.164	282.014.547
<b>Cộng</b>	<b>130.705.201.136</b>	<b>149.965.616.563</b>

(i) Số trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2024 chủ yếu liên quan các khoản cho vay như tại Thuyết minh 4.3.3 "Các khoản cho vay".

**6.3 Chi phí lãi vay**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	71.932.753.915	100.846.775.758
Lãi vay ngân hàng	71.932.753.915	79.288.775.758
Lãi vay cá nhân	-	21.558.000.000
<b>Cộng</b>	<b>71.932.753.915</b>	<b>100.846.775.758</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**

**6.4 Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	28.626.818.535	24.540.822.624
Chi phí vật liệu văn phòng	84.700.896	175.881.081
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	867.654.774	1.521.958.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	687.975.904	450.327.243
Thuế và các khoản lệ phí	6.000.000	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.937.885.988	1.439.007.717
Chi phí khác bằng tiền	14.284.813.288	10.266.739.612
<b>Cộng</b>	<b>47.495.849.385</b>	<b>38.401.736.621</b>

**6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lãi kế toán trước thuế</b>	<b>220.685.259.006</b>	<b>150.165.735.999</b>
<b>Điều chỉnh các khoản (giảm) lợi nhuận</b>	<b>(7.443.108.183)</b>	<b>(4.584.681.061)</b>
Chi phí không được trừ	5.402.398.655	1.084.002.434
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(6.634.699.600)	(5.000.000)
Chi phí dự phòng phải thu cho vay và lãi vay (i) (Chênh lệch)/Hoàn nhập chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(7.108.928.286)	17.363.193.164
	898.121.048	(23.026.876.659)
<b>Lãi sau điều chỉnh</b>	<b>213.242.150.823</b>	<b>145.581.054.938</b>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>213.242.150.823</b>	<b>145.581.054.938</b>
Thuế suất (%)	20%	20%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>42.648.430.165</b>	<b>29.116.210.988</b>
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>42.648.430.165</b>	<b>29.116.210.988</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	13.545.076.967	7.450.741.595
Thuế TNDN đã trả trong năm	(33.928.525.007)	(23.021.875.616)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>22.264.982.125</b>	<b>13.545.076.967</b>

(i) Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của khoản dự phòng phải thu cho vay và lãi vay là khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết khoản dự phòng như tại Thuyết minh 4.3.3 "Các khoản cho vay".



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

6.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại - Số dư cuối năm				
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%		
Số dư đầu năm	3.472.638.633			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chênh lệch từ nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu cho vay và lãi vay	-	3.472.638.633	-	(3.472.638.633)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại hoãn nhập trong năm liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chênh lệch từ nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu cho vay và lãi vay	(1.421.785.657)	-	1.421.785.657	-
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.050.852.976)	(3.472.638.633)	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả - Số dư cuối năm	2.349.713.224	1.132.736.699		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%		
Số dư đầu năm	4.605.375.332			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế	4.425.751.122	4.605.375.332	4.425.751.122	4.605.375.332
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn nhập trong năm từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế	(4.605.375.332)	-	(4.605.375.332)	-
Biến động khác	(25.184.922)	-	(25.184.922)	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(2.050.852.976)	(3.472.638.633)		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			1.216.976.525	1.132.736.699

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Đức Anh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư NTP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP	Người có liên quan của người nội bộ (Ông Bạch Quốc Vinh)
Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam	Người có liên quan của người nội bộ (Ông Nguyễn Đức Anh)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông Công ty	

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Cung cấp dịch vụ, trả phí tư vấn và mua tài sản**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư NTP	-	27.572.500.000
Phí tư vấn đầu tư đã cung cấp	-	25.000.000.000
Phí chuyển nhượng quyền mua	-	2.572.500.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP	1.525.000.000	-
Trả phí tư vấn đầu tư	1.525.000.000	-
Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam	408.971.017	-
Mua tài sản	408.971.017	-
Ông Nguyễn Đức Anh	-	2.572.500.000
Phí chuyển nhượng quyền mua	-	2.572.500.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	-	107.287.250
Phí chuyển nhượng quyền mua	-	107.287.250
<b>Cộng</b>	<b>1.933.971.017</b>	<b>30.606.671.000</b>

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị</b>	<b>3.810.500.000</b>	<b>2.439.500.000</b>
Ông Nguyễn Đức Anh	1.488.000.000	832.000.000
Ông Vũ Nhật Lâm	1.675.000.000	1.365.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	327.500.000	162.500.000
Ông Bạch Quốc Vinh	320.000.000	80.000.000
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	<b>160.000.000</b>	<b>130.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	160.000.000	130.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>3.200.000.000</b>	<b>2.600.000.000</b>
Ông Bạch Quốc Vinh	3.200.000.000	2.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.170.500.000</b>	<b>5.169.500.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động khác (l) VND	Tổng cộng VND
Năm 2024	179.126.840.914	103.975.163.406	3.143.235.986	216.863.994.608	503.109.234.914
	34.782.555.522	121.230.854.531	3.353.921.807	6.120.424.798	165.487.756.658
	-	-	-	-	119.494.462.814
	-	-	-	-	2.568.243.564
Lợi nhuận trước thuế	144.344.285.392	(17.255.691.125)	(210.685.821)	210.743.569.810	220.685.259.006
Số dư tại ngày 31/12/2024	2.779.791.689.000	9.771.805.023	-	2.491.880.351.050	5.281.443.845.073
	-	-	-	-	510.846.277.757
	2.779.791.689.000	9.771.805.023	-	2.491.880.351.050	5.792.290.122.830
	-	-	-	-	-
Nợ phải trả tại ngày 31/12/2024	-	2.617.828.228	-	-	2.617.828.228
	-	-	-	-	3.388.058.364.651
	-	2.617.828.228	-	-	3.390.676.192.879
	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp)

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)

Năm 2023	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động khác (i) VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu	148.026.070.092	103.914.009.439	2.223.600.150	184.283.204.910	438.446.884.591
2. Các chi phí trực tiếp	1.381.756.079	102.963.604.584	2.494.874.288	44.507.137.691	151.347.372.642
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	139.248.711.897
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	2.314.935.947
Lợi nhuận trước thuế	146.644.314.013	950.404.855	(271.274.138)	139.776.067.219	150.165.735.999
Số dư tại ngày 01/01/2024					
1. Tài sản bộ phận	2.028.627.604.741	7.053.967.032	-	1.987.779.277.973	4.023.460.849.746
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	99.187.377.170
Tổng tài sản	2.028.627.604.741	7.053.967.032	-	1.987.779.277.973	4.122.648.226.916
Nợ phải trả tại ngày 01/01/2024					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	3.432.771.329	-	-	3.432.771.329
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.885.421.377.952
Tổng nợ phải trả	-	3.432.771.329	-	-	1.888.854.149.281

(i) Hoạt động khác bao gồm hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động đầu tư vào tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn, cho vay và hoạt động tự vấn tài chính.

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.3 Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND
Từ 01 năm trở xuống	9.475.754.741
Trên 01 năm đến 05 năm	6.840.755.315
<b>Cộng</b>	<b>16.316.510.056</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Địa điểm thuê hoạt động	Giá thuê chưa bao gồm thuế GTGT	Đơn vị tính	Thời hạn thuê
Tòa nhà Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.			
Tầng 1	158.945.455	VND/tháng	08/01/2023 - 07/01/2026
Tầng 2	134.673.000	VND/tháng	01/4/2021 - 31/3/2026
Tầng 8	89.913.438	VND/tháng	16/6/2024 - 30/6/2027
Tòa nhà HEAC số 14-16 phố Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm			
Tầng 1	244.692.364	VND/tháng	01/7/2022 - 14/5/2027
Tòa nhà tại địa chỉ số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh			
Tầng 1, 2, 3, 4	299.609.500	VND/tháng	03/6/2022 - 02/6/2025
Tầng 3 nhà B, Tòa nhà số 130 đường Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	36.584.680	VND/tháng	01/6/2024 - 30/6/2027

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**


Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.


**7.5 Số liệu so sánh**

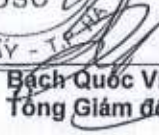
Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của năm nay.

*Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
		VND	VND	VND
1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	814	(61)	753
2.	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	814	(61)	753

  
Nguyễn Thị Ánh Tuyết  
Người lập  
Ngày 5 tháng 3 năm 2025

  
Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng

  
Bạch Quốc Vinh  
Tổng Giám đốc





THE POWER OF BEING UNDERSTOOD  
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

RSM

#### RSM Vietnam

Hanoi Office  
25<sup>th</sup> Floor, Tower A, Discovery Complex Building  
No. 302 Cau Giay Street  
Dich Vong Ward, Cau Giay District  
Ha Noi, Vietnam

T: +8424 3795 5353 F: +8424 3795 5252  
Hotline: +8498 8139 090

contact\_hn@rsm.com.vn  
www.rsmhanoi.com.vn

Ho Chi Minh City Head Office  
3A Floor, L'Mak The Signature Building  
147-147Bis Hai Ba Trung Street  
Vo Thi Sau Ward, District 3  
Ho Chi Minh City, Vietnam

T: +8428 3827 5026  
contact\_hcm@rsm.com.vn

www.rsmglobal/vietnam

RSM Vietnam is a member of the RSM Network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm, each of which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity of any description in any jurisdiction.

The RSM network is administered by RSM International Limited, a company registered in England and Wales (company number 4040598) whose registered office is at 50 Cannon Street, London EC4N 6JJ. The brand and trademark RSM and other intellectual property rights used by members of the network are owned by RSM International Association, an association governed by article 60 et seq of the Civil Code of Switzerland whose seat is in Zug.





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN DSC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 10-09-2025

Số CT: 6079 Quyển số: 02 SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN

*Đỗ Thị Tuyên*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	9 – 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 – 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14 – 47





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025.

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

##### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Bùi Văn Hùng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 04/4/2025)
Ông Vũ Nhật Lâm	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 04/4/2025)

##### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên

##### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

##### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là ông Nguyễn Đức Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bạch Quốc Vinh – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đức Anh ủy quyền ký Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 theo Giấy ủy quyền số 04/2024/UQ-CTHĐQT/DSC ngày 04/7/2024.

##### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

#### **CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Bạch Quốc Vinh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2025



  
**RSM****RSM Việt Nam**

Văn phòng Hà Nội  
Tầng 25 Tháp A, toà nhà Discovery Complex,  
số 302 Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

T: 024 3795 5353  
F: 024 3795 5252

[www.rsm.global/vietnam](http://www.rsm.global/vietnam)  
[www.rsmhanoi.com.vn](http://www.rsmhanoi.com.vn)

Số: 169/2025/RSMHN-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 của  
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC**

**Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày tháng năm 2025 bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 06 đến trang 47.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU  
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN**

RSM Việt Nam là một thành viên của mạng lưới RSM. RSM là tên giao dịch được sử dụng bởi các thành viên của mạng lưới RSM. Mỗi thành viên của mạng lưới RSM là một công ty kiểm toán và tư vấn độc lập với các quyền riêng. Mạng lưới RSM không có tư cách pháp nhân theo luật pháp tại bất kỳ quốc gia nào.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Hoàng Thị Vinh**  
Giám đốc Kiểm toán  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2023-026-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025





**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.824.056.545.219</b>	<b>5.756.139.855.473</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>5.819.767.242.728</b>	<b>5.751.946.696.325</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	531.706.698.894	480.274.656.275
1.1. Tiền	111.1		531.706.698.894	480.274.656.275
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	112	4.3.1	2.688.414.376.900	2.779.791.689.000
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	4.3.2	380.000.000.000	270.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	4.3.3	2.194.763.184.731	2.186.281.583.458
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	4.4	(36.200.134.107)	(36.224.742.061)
6. Các tài sản tài chính khác	117	4.5	53.063.761.664	66.304.341.774
6.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		53.063.761.664	66.304.341.774
6.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		25.208.857.560	33.396.122.603
6.1.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		27.854.904.104	32.908.219.171
7. Trả trước cho người bán	118	4.5	7.838.255.274	4.225.000.000
8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	4.5	1.817.259.574	2.930.328.081
9. Các khoản phải thu khác	122	4.5	243.010.092	243.010.092
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	4.5	(1.879.170.294)	(1.879.170.294)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>4.289.302.491</b>	<b>4.193.159.148</b>
1. Tạm ứng	131	4.5	907.466.531	70.204.715
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.6	2.436.351.723	3.158.044.433
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		930.640.000	914.640.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	137		14.844.237	50.270.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.135.894.176</b>	<b>36.150.267.357</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.922.899.013</b>	<b>13.889.090.993</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	6.713.060.736	8.056.821.857
Nguyên giá	222		15.194.712.971	14.966.290.869
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(8.481.652.235)	(6.909.469.012)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	5.209.838.277	5.832.269.136
Nguyên giá	228		10.886.918.480	10.886.918.480
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.677.080.203)	(5.054.649.344)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>22.212.995.163</b>	<b>22.261.176.364</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		2.249.690.931	2.496.952.886
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.6	8.232.660.579	9.992.418.455
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	4.9	11.730.643.653	9.771.805.023
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.858.192.439.395</b>	<b>5.792.290.122.830</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.361.453.770.224</b>	<b>3.390.676.192.879</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.359.202.365.008</b>	<b>3.388.326.479.655</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	4.10	3.315.687.180.000	3.340.274.390.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		3.315.687.180.000	3.340.274.390.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	4.11	1.939.963.072	1.953.212.364
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320		455.566.789	517.873.252
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		241.000.000	240.000.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	4.14	22.869.250.473	25.381.397.583
6. Phải trả người lao động	323		4.496.531.253	7.830.541.661
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		226.007.780	194.267.480
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	4.12	10.012.138.093	6.219.144.612
9. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	104.500.000
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	4.13	2.557.560.035	2.295.928.729
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		717.167.513	3.315.223.974
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>2.251.405.216</b>	<b>2.349.713.224</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	6.6	2.251.405.216	2.349.713.224
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.15</b>	<b>2.496.738.669.171</b>	<b>2.401.613.929.951</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.496.738.669.171</b>	<b>2.401.613.929.951</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.048.889.250.000	2.048.889.250.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.048.389.250.000	2.048.389.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1 a		2.048.389.250.000	2.048.389.250.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		500.000.000	500.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		138.256.882	138.256.882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		447.572.905.407	352.448.166.187
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.858.192.439.395</b>	<b>5.792.290.122.830</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		204.838.925	204.838.925
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK (VND)	008	5.1	128.794.470.000	112.079.760.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán (VND)	012		11.940.000	11.940.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của công ty chứng khoán (VND)	013		1.800.000.000	-
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	021		9.567.721.340.000	9.412.739.210.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		9.341.837.480.000	9.193.422.790.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		124.446.700.000	124.572.700.000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		4.645.640.000	645.640.000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		96.791.520.000	94.098.080.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	022		1.181.280.000	1.179.430.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.181.280.000	1.179.430.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)	023	5.2	103.326.880.000	94.075.300.000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của	025	5.3	778.905.200.000	8.191.680.000
5. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026	5.4	387.559.428.791	290.098.983.593
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		386.996.305.855	289.824.563.378
5.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		563.122.936	274.420.215
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		307.755.298	17.997.037
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		255.367.638	256.423.178
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031		387.545.972.319	290.076.907.821
6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		387.516.762.445	289.916.308.289
6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		29.209.874	160.599.532
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		13.456.472	22.075.772



Bạch Quốc Vinh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Tuyết  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại)
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		80.137.726.669	72.694.972.851
- Lãi bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.1		13.597.936.310	26.922.599.846
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.2		15.360.890.000	128.924.610
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.3	6.1	51.178.900.359	45.643.448.395
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	6.1	7.393.643.834	8.048.263.315
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	6.1	112.278.241.842	94.352.179.993
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		42.183.109.779	64.339.607.725
1.5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		14.113.000.000	2.761.000.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		1.725.464.388	1.484.526.337
1.7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	2.672.727.273
1.8. Doanh thu hoạt động khác	11		203.359.091	169.168.064
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>258.034.545.603</b>	<b>246.522.445.558</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		3.957.094.575	28.230.525.709
- Lỗ bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.1		596.948.550	2.695.600.358
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.2		2.740.870.100	25.107.501.351
- Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ			619.276.925	427.424.000
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	6.2	(24.607.954)	24.607.954
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	6.2	47.374.678.520	68.879.333.147
2.4. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	6.2	259.307.498	534.701.640
2.5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	6.2	653.241.322	732.007.875
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	6.2	1.804.014.666	1.640.766.026
2.7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	6.2	-	444.452.164
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>54.023.728.627</b>	<b>100.486.394.515</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại)
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.408.601.595	987.419.024
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.408.601.595	987.419.024
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chi phí lãi vay	52	6.3	59.224.739.880	26.857.152.818
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	61		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	62	6.4	23.226.477.781	21.649.748.123
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	70		122.968.200.910	98.516.569.126
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71		15.291.302	5.416.405
8.2. Chi phí khác	72		-	100.514
Cộng kết quả hoạt động khác	80		15.291.302	5.315.891
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	90		122.983.492.212	98.521.885.017
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	100		24.523.481.451	19.590.341.789
10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	6.5	24.621.789.459	24.096.926.509
10.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2	6.6	(98.308.008)	(4.506.584.720)
<b>XI. LÃI KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	200		98.460.010.761	78.931.543.228
<b>XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
<b>XIII. LÃI THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	500		98.460.010.761	78.931.543.228
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	4.15.4	481	377
13.2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	4.15.4	481	377



Bách Quốc Vinh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Tuyết  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	6.5	122.983.492.212	98.521.885.017
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		4.654.934.449	(22.951.592.995)
- Khấu hao tài sản cố định	03		2.194.614.082	1.908.178.961
- Các khoản dự phòng	04		(24.607.954)	24.607.954
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(3.676.049.895)	(5.106.936.297)
- Chi phí lãi vay	06	6.3	59.224.739.880	26.857.152.818
- Dự thu tiền lãi	08		(53.063.761.664)	(46.634.596.431)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		2.740.370.100	25.107.501.351
- Lỗ đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		2.740.370.100	25.107.501.351
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(15.360.890.000)	(128.924.610)
- (Lãi) đánh giá giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(15.360.890.000)	(128.924.610)
5. (Lỗ) từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	30		(42.446.281.935)	(67.460.022.047)
- Giảm/(tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		103.997.832.000	(677.882.341.000)
- (Tăng)/giảm các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(110.000.000.000)	423.456.986.302
- (Tăng) các khoản cho vay	33		(8.481.601.273)	(199.347.049.114)
- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		66.304.341.774	438.689.353.538
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		1.114.068.507	(791.210.934)
- Giảm các khoản phải thu khác	39		35.425.763	-
- (Tăng) các tài sản khác	40		(837.261.816)	(592.831.741)
- (Giảm)/tăng chi phí phải trả	41		(157.187.808)	384.841.192
- Giảm chi phí trả trước	42		2.481.450.586	2.273.416.954
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	4.14	(27.265.488.125)	(18.928.525.007)
- Lãi vay đã trả	44		(55.274.558.591)	(25.138.488.059)
- (Giảm) phải trả cho người bán	45		(3.759.811.029)	(375.384.624)
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		31.740.300	2.460.000
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		131.551.556	1.269.711.807
- (Giảm) phải trả người lao động	48		(3.334.010.408)	(2.496.427.994)
- Tăng phải trả, phải nộp khác	50		332.631.306	744.073.716
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		126.761.955	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(7.892.166.632)	(8.728.607.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		72.571.624.826	33.088.846.716
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	61		(228.422.102)	(1.492.474.066)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	62		-	2.727.273
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		3.676.049.895	5.104.209.024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		3.447.627.793	3.614.462.231
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	73	4.10	5.772.091.660.000	3.910.400.839.725
1.1. Tiền vay khác	73.2		5.772.091.660.000	3.910.400.839.725
2. Tiền trả nợ gốc vay	74	4.10	(5.796.678.870.000)	(3.805.319.600.025)
2.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(5.796.678.870.000)	(3.805.319.600.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		(24.587.210.000)	105.081.239.700
TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ	90		51.432.042.619	141.784.548.647
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	4.1	480.274.656.275	63.163.827.831
Tiền	101.1		480.274.656.275	63.163.827.831
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	4.1	531.706.698.894	204.948.376.478
Tiền	103.1		531.706.698.894	204.948.376.478
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		15.485.774.388.280	23.695.323.199.050
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(15.487.048.539.260)	(24.177.968.369.740)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		100.630.023.143	529.202.535.487
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1.895.426.965)	(1.135.093.510)
Tăng tiền thuần trong kỳ	20		97.460.445.198	45.422.271.287
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	30		290.098.983.593	462.744.420.595
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		290.098.983.593	462.744.420.595
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		289.824.563.378	462.704.308.296
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		274.420.215	40.112.299
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	40	5.4	387.559.428.791	508.166.691.882
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		387.559.428.791	508.166.691.882
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		386.996.305.855	508.111.075.082
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		563.122.936	55.616.800



Bách Quốc Vinh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Tuyết  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỒ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

## BẢO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	TM	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 01/01/2025	06 tháng đầu năm 2024		06 tháng đầu năm 2025		Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 30/6/2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu	4.16	2.233.794.077.635	2.401.613.929.951	78.931.543.228	(9.000.000.000)	98.460.010.761	(3.335.271.541)	2.303.725.620.863	2.496.738.669.171
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.048.889.250.000	2.048.889.250.000	-	-	-	-	2.048.889.250.000	2.048.889.250.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết									
1.2. Thẻ nợ vốn cổ phần		2.048.389.250.000	2.048.389.250.000	-	-	-	-	2.048.389.250.000	2.048.389.250.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		500.000.000	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		138.256.882	138.256.882	-	-	-	-	138.256.882	138.256.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối		184.628.313.871	352.448.166.187	78.931.543.228	(9.000.000.000)	98.460.010.761	(3.335.271.541)	254.559.857.099	447.572.905.407
<b>Tổng cộng</b>		2.233.794.077.635	2.401.613.929.951	78.931.543.228	(9.000.000.000)	98.460.010.761	(3.335.271.541)	2.303.725.620.863	2.496.738.669.171
II. Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		-	-	-	-	-	-	-	-

Bạch Quốc Vinh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Ánh Tuyết**  
**Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và lần thay đổi bổ sung gần nhất ngày 23/8/2023 theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK điều chỉnh vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất là 2.048.389.250.000 VND. Số lượng cổ phiếu là 204.838.925 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngày 24/9/2024, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DSC theo Quyết định 550/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2024.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2025 là 199 người (tại ngày 01/01/2025 là 221 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là:

- Tự doanh;
- Môi giới chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC - Phòng giao dịch Hàm Long	Tầng 1, Tầng 2, số 14-16 Hàm Long, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Tầng 3, số 130 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

**1.6 Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán**

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

**2.2 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngay khi phát sinh.

**3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp)**

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

**3.6 Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng riêng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán hoặc các quyền tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính**

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của tổ chức phát hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"), cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

**3.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính**

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- a) Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- b) Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động giữa niên độ.

- Chi phí thi công thiết kế, thi công văn phòng;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí trả trước khác.

**3.11 Thuê tài sản**

**Thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.12 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

**Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích. Cụ thể như sau:

Thời gian sử dụng ước tính (năm)
01 – 08

Phần mềm máy vi tính

**Bảng sáng chế và nhãn hiệu**

Bảng sáng chế và nhãn hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian sử dụng ước tính (năm)
03 – 05

Bảng sáng chế và nhãn hiệu

**3.14 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.15 Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 Thuế (tiếp)**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp)***

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp)***

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

***Thuế giá trị gia tăng***

- Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;
- Hoạt động khác: Chịu thuế suất 10%.

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	531.706.698.894	480.274.656.275
<b>Cộng</b>	<b>531.706.698.894</b>	<b>480.274.656.275</b>

**4.2 Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025		Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)
Của Công ty	119.294.636	12.037.445.905.450	55.550.363	4.431.201.447.700
Cổ phiếu	21.514.636	587.797.465.450	17.550.363	549.661.447.700
Trái phiếu	97.780.000	11.449.648.440.000	38.000.000	3.881.540.000.000
Của Nhà đầu tư	1.503.373.677	31.218.715.920.160	2.053.940.637	48.197.567.012.010
Cổ phiếu	1.503.346.777	31.217.897.175.160	2.053.925.437	48.197.062.710.000
Chứng chỉ quỹ	26.900	818.745.000	14.200	388.200.000
Trái phiếu	-	-	1.000	116.102.010
<b>Cộng</b>	<b>1.622.668.313</b>	<b>43.256.161.825.610</b>	<b>2.109.491.000</b>	<b>52.628.768.459.710</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.3 Các loại tài sản tài chính

4.3.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Tại ngày 30/6/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	359.650.305.251	378.414.376.900	297.996.541.471	319.791.689.000
	ACB	30.444.575.000	98.512.350.000	104.195.106.000
	MBB	176.162.500.000	63.563.840.000	69.092.770.000
	CTG	108.651.209.039	70.138.020.000	80.582.040.000
	HCM	-	62.490.555.000	62.716.080.000
VCI	37.392.195.000	35.750.000.000	-	-
Cổ phiếu khác	6.999.826.212	6.970.376.900	3.291.776.471	3.205.693.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	10.010.000	(*)	10.010.000	(*)
CTCP Xây dựng Công trình Giao thông Đà Nẵng	10.010.000	(*)	10.010.000	(*)
Chứng chỉ tiền gửi	2.310.000.000.000	2.310.000.000.000	2.460.000.000.000	2.460.000.000.000
Cộng	2.669.660.315.251	2.688.414.376.900	2.758.006.551.471	2.779.791.689.000

(\*) Tài sản tài chính này là chứng khoán vốn được hạch toán theo giá gốc do không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định được một cách đáng tin cậy.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp)**

**4.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	Tại ngày 30/6/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm	380.000.000.000	380.000.000.000	270.000.000.000	270.000.000.000
Cộng	380.000.000.000	380.000.000.000	270.000.000.000	270.000.000.000

**4.3.3 Các khoản cho vay**

	Tại ngày 30/6/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	2.116.416.268.353	2.080.216.134.246	2.080.142.095.589	2.043.917.353.528
Ông Cấn Lương Minh (i)	1.518.200.000	29.339.716	1.518.200.000	22.004.787
Ông Nguyễn Quang Linh (i)	1.220.900.000	26.966.856	1.220.900.000	20.225.142
Ông Tạ Ngọc Anh (i)	1.400.900.000	28.167.244	1.400.900.000	21.125.433
Ông Nguyễn Trung Toàn (i)	705.200.000	13.958.000	705.200.000	10.468.500
Bà Lê Thị Hồng (ii)	8.617.726.741	-	8.617.726.741	-
Ông Nguyễn Vĩnh Huy (ii)	8.617.726.741	-	8.617.726.741	-
Ông Nguyễn Kháng (ii)	14.217.912.441	-	14.217.912.441	-
Các nhà đầu tư khác	2.080.117.702.430	2.080.117.702.430	2.043.843.529.666	2.043.843.529.666
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	78.346.916.378	78.346.916.378	106.139.487.869	106.139.487.869
Cộng	2.194.763.184.731	2.158.563.050.624	2.186.281.583.458	2.150.056.841.397

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp)**

**4.3.3 Các khoản cho vay (tiếp)**

(i) Là những nhà đầu tư vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ từ năm 2016. Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản cho vay này bằng giá trị thị trường tại ngày 30/6/2025 của các tài sản đảm bảo (cổ phiếu) và đánh giá rằng khó có khả năng thu hồi các khoản công nợ trên.

(ii) Là những nhà đầu tư vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ từ năm 2022. Trong năm 2022, Công ty đã giải ngân cho vay ký quỹ 03 nhà đầu tư cá nhân gồm ông Nguyễn Kháng, ông Nguyễn Vĩnh Huy, bà Lê Thị Hồng với mã cổ phiếu cho vay ký quỹ là NVL. Đây là các khoản vay ký quỹ được đảm bảo bằng tiền và chứng khoán của chính các nhà đầu tư. Chứng khoán cho vay ký quỹ nằm trong danh mục được phép cho vay và tỷ lệ cho vay tuân thủ đúng quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại thời điểm cho vay.

Sau quá trình Công ty xử lý bán toàn bộ cổ phiếu NVL trong danh mục chứng khoán của các Nhà đầu tư trên đang nắm giữ để thu hồi nợ theo đúng quy định pháp luật, số nợ gốc và lãi cho vay chưa thu hồi được tại ngày 31/12/2023 là 33.089.876.125 VND. Ngày 08/12/2022, các Nhà đầu tư đã làm việc và đề xuất phương thức trả nợ cho Công ty đối với khoản nợ gốc và lãi còn lại của khoản vay ký quỹ. Theo đó, các Nhà đầu tư cam kết sẽ thanh toán đầy đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính còn tồn đọng với Công ty thông qua việc bán tài sản hợp pháp thuộc Dự án tổ hợp Khu du lịch Trung Lũng Đại Dương.

Chi tiết các quyền tài sản sử dụng để đảm bảo thanh toán như sau:

Khách hàng	Số dư cho vay tại ngày 01/01/2025 (VND)	Số dư cho vay tại ngày 30/6/2025 (VND)	Số dư lãi vay tại ngày 30/6/2025 (VND)	Tài sản dùng để đảm bảo (*)
Lê Thị Hồng	8.617.726.741	8.617.726.741	448.382.887	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.1-4.32
Nguyễn Vĩnh Huy	8.617.726.741	8.617.726.741	448.382.887	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.2-4.16
Nguyễn Kháng	14.217.912.441	14.217.912.441	739.744.428	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.1-3.07 và NWP.5.1-3.08
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.453.365.923</b>	<b>31.453.365.923</b>	<b>1.636.510.202</b>	<b>Tổng giá trị các quyền tài sản là 33.063.280.000 VND</b>

(\*) Giá trị các quyền tài sản được xác định dựa trên Chứng thư thẩm định giá số 050123/CT/DIAMONDRV ngày 05/01/2023 của Công ty TNHH Thẩm định giá và Bất động sản Kim Cương. Các khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán từ ngày 28/11/2022. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng 100% số dư cho vay và lãi vay (với tổng số tiền là 33.089.876.125 VND) trong năm 2023 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 01/12/2023 để đảm bảo thận trọng trong quản trị rủi ro và dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, do đó Công ty không ghi nhận doanh thu cho vay phát sinh thêm trong 06 tháng đầu năm 2025.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.4 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (i)	(36.200.134.107)	(36.224.742.061)
Ông Cần Lương Minh	(1.488.860.284)	(1.496.195.213)
Ông Nguyễn Quang Lĩnh	(1.193.933.144)	(1.200.674.858)
Ông Tạ Ngọc Anh	(1.372.732.756)	(1.379.774.567)
Ông Nguyễn Trung Toàn	(691.242.000)	(694.731.500)
Bà Lê Thị Hồng	(8.617.726.741)	(8.617.726.741)
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	(8.617.726.741)	(8.617.726.741)
Ông Nguyễn Kháng	(14.217.912.441)	(14.217.912.441)
<b>Cộng</b>	<b>(36.200.134.107)</b>	<b>(36.224.742.061)</b>

(i) Trích lập dự phòng như tại Thuyết minh 4.3.3 "Các khoản cho vay".

**4.5 Các khoản phải thu**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính. Trong đó:	53.063.761.664	66.304.341.774
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	25.208.857.560	33.396.122.603
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	27.854.904.104	32.908.219.171
2. Trả trước cho người bán	7.838.255.274	4.225.000.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Kinh doanh Xây dựng và Nội thất An Phú	7.412.949.387	3.740.000.000
Công ty khác	425.305.887	485.000.000
3. Các khoản phải thu khác	243.010.092	243.010.092
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (i)	(1.879.170.294)	(1.879.170.294)
5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	1.817.259.574	2.930.328.081
6. Tạm ứng	907.466.531	70.204.715
<b>Cộng</b>	<b>61.990.582.841</b>	<b>71.893.714.368</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

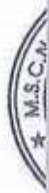
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.5 Các khoản phải thu (tiếp)**

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 01/01/2025 VND	Số dự phòng tại ngày 01/01/2025 VND	Số trích lập trong kỳ VND	Số hoàn nhập trong kỳ VND	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 30/6/2025 VND	Số dự phòng tại ngày 30/6/2025 VND
Các khoản phải thu khác	242.660.092	242.660.092	-	-	242.660.092	242.660.092
Bà Võ Thị Xuân Trang	23.322.825	23.322.825	-	-	23.322.825	23.322.825
Bà Nguyễn Thị Thủy	219.337.267	219.337.267	-	-	219.337.267	219.337.267
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.636.510.202	1.636.510.202	-	-	1.636.510.202	1.636.510.202
Bà Lê Thị Hồng	448.382.887	448.382.887	-	-	448.382.887	448.382.887
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	448.382.887	448.382.887	-	-	448.382.887	448.382.887
Ông Nguyễn Kháng	739.744.428	739.744.428	-	-	739.744.428	739.744.428
<b>Cộng</b>	<b>1.879.170.294</b>	<b>1.879.170.294</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.879.170.294</b>	<b>1.879.170.294</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.6 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	43.108.057	148.335.074
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.393.243.666	3.009.709.359
<b>Cộng</b>	<b>2.436.351.723</b>	<b>3.158.044.433</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.099.036.789	3.556.098.474
Chi phí thiết kế và thi công văn phòng	4.759.991.176	4.586.583.257
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.373.632.614	1.849.736.724
<b>Cộng</b>	<b>8.232.660.579</b>	<b>9.992.418.455</b>

**4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2025	12.300.583.781	2.665.707.088	14.966.290.869
Mua sắm	69.575.000	158.847.102	228.422.102
<b>Tại ngày 30/6/2025</b>	<b>12.370.158.781</b>	<b>2.824.554.190</b>	<b>15.194.712.971</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2025	6.442.424.697	467.044.315	6.909.469.012
Khấu hao	1.112.955.518	459.227.705	1.572.183.223
<b>Tại ngày 30/6/2025</b>	<b>7.555.380.215</b>	<b>926.272.020</b>	<b>8.481.652.235</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2025	5.858.159.084	2.198.662.773	8.056.821.857
Tại ngày 30/6/2025	4.814.778.566	1.898.282.170	6.713.060.736

Tại ngày 30/6/2025, nguyên giá các TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.668.546.780 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.583.546.780 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.8 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2025	88.000.000	132.000.000	10.666.918.480	10.886.918.480
Tại ngày 30/6/2025	88.000.000	132.000.000	10.666.918.480	10.886.918.480
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2025	83.722.207	75.350.000	4.895.577.137	5.054.649.344
Khấu hao	4.277.793	13.200.000	604.953.066	622.430.859
Tại ngày 30/6/2025	88.000.000	88.550.000	5.500.530.203	5.677.080.203
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2025	4.277.793	56.650.000	5.771.341.343	5.832.269.136
Tại ngày 30/6/2025	-	43.450.000	5.166.388.277	5.209.838.277

Tại ngày 30/6/2025, nguyên giá các TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.245.317.800 VND (tại ngày 01/01/2025 là 2.157.317.800 VND).

**4.9 Tiền nộp vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán**

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng kỳ phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của kỳ trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và nghiệp vụ tự doanh.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền nộp đầu kỳ	9.771.805.023	7.053.967.032
Tiền nộp bổ sung trong kỳ	1.958.838.630	2.176.676.621
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	-	541.161.370
<b>Cộng</b>	<b>11.730.643.653</b>	<b>9.771.805.023</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/6/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (i)	1.566.805.390.000	1.566.805.390.000	3.066.615.850.000	2.919.209.870.000	1.714.211.370.000	1.714.211.370.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)	413.469.000.000	413.469.000.000	250.000.000.000	413.469.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (iii)	360.000.000.000	360.000.000.000	603.000.000.000	774.000.000.000	189.000.000.000	189.000.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (iv)	600.000.000.000	600.000.000.000	1.104.000.000.000	990.000.000.000	714.000.000.000	714.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (v)	400.000.000.000	400.000.000.000	648.475.810.000	600.000.000.000	448.475.810.000	448.475.810.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Cộng	3.340.274.390.000	3.340.274.390.000	5.772.091.660.000	5.796.678.870.000	3.315.687.180.000	3.315.687.180.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)

Số hợp đồng	Số dư vay tại ngày 30/6/2025 (VND)	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích
(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/1412941/HĐTD ngày 10/6/2024.  Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/1412941/HĐTD ngày 11/6/2025	1.714.211.370.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể  Tối đa không quá ngày 31/5/2026	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể  4,8%/năm sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo của ngân hàng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ trái phiếu chính phủ, giấy tờ có giá và chứng khoán khác.  Đầu tư kinh doanh cổ phiếu
(ii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT128- DSC ngày 16/12/2024	250.000.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư kinh doanh trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu doanh nghiệp. Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
(iii) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 25/TAH/2748839/HĐCVHM/01 ngày 24/02/2025	189.000.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh trái phiếu niêm yết
(iv) Hợp đồng hạn mức tín dụng 131.028/25/DN ngày 26/5/2025	714.000.000.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ nhưng không quá 04 tháng	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh tự doanh của Công ty
(v) Hợp đồng cấp tín dụng số CHA.DN.6708.070525 ngày 28/5/2025	448.475.810.000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ nhưng không quá 04 tháng	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động chi trả chi phí vận hành, đầu tư, mua trái phiếu Chính phủ, hoàn vốn cho các giao dịch đầu tư/mua trái phiếu Chính phủ
Cộng	3.315.687.180.000			

Các khoản vay trên với mục đích đầu tư và được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và  
giấy tờ có giá.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng  
Kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.11 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Sở Giao dịch chứng khoán	1.573.582.512	1.446.656.952
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	366.380.560	506.555.412
<b>Cộng</b>	<b>1.939.963.072</b>	<b>1.953.212.364</b>

**4.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay phải trả	9.582.260.172	5.632.078.883
Chi phí phải trả khác	429.877.921	587.065.729
<b>Cộng</b>	<b>10.012.138.093</b>	<b>6.219.144.612</b>

**4.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity	794.333.648	794.333.648
Cộng tác viên phát triển khách hàng	1.758.985.387	1.497.354.081
Đối tượng khác	4.241.000	4.241.000
<b>Cộng</b>	<b>2.557.560.035</b>	<b>2.295.928.729</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.14 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 30/6/2025 VND	
	Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	-		33.396.009	33.396.009	-	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	96.802.545	137.205.463	43.281.394	-	2.878.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.264.982.125	27.265.488.125	24.621.789.459	-	19.621.283.459
Thuế thu nhập cá nhân	-	401.784.685	3.954.591.627	4.073.092.447	-	520.285.505
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	-	2.617.828.228	18.862.471.618	18.962.416.423	-	2.717.773.033
Nhà đầu tư	-	-	206.849.240	213.879.240	-	7.030.000
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>25.381.397.583</b>	<b>50.426.606.073</b>	<b>47.914.458.963</b>	-	<b>22.869.250.473</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.15 Vốn chủ sở hữu

4.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	184.628.313.871	2.233.794.077.635
Lãi trong năm	-	-	-	-	176.819.852.316	176.819.852.316
Chia các quỹ	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	352.448.166.187	2.401.613.929.951
Tại ngày 01/01/2025	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	352.448.166.187	2.401.613.929.951
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	98.460.010.761	98.460.010.761
Chia các quỹ (i)	-	-	-	-	(3.335.271.541)	(3.335.271.541)
Tại ngày 30/6/2025	2.048.389.250.000	500.000.000	138.256.882	138.256.882	447.572.905.407	2.496.738.669.171

(i) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 3.335.271.541 VND từ lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 04/4/2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 30/6/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Đức Anh	729.998.000.000	35,64	729.998.000.000	35,64
Công ty CP Đầu tư NTP	700.000.000.000	34,17	700.000.000.000	34,17
Các cổ đông khác	618.391.250.000	30,19	618.391.250.000	30,19
<b>Cộng</b>	<b>2.048.389.250.000</b>	<b>100</b>	<b>2.048.389.250.000</b>	<b>100</b>

**4.15.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/6/2025 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	205.000.000	205.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	204.838.925	204.838.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	204.838.925	204.838.925
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	204.838.925	204.838.925
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	204.838.925	204.838.925
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.15.4 Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Lãi kế toán sau thuế TNDN (VND)	98.460.010.761	78.931.543.228
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (l)	-	(1.667.635.771)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	204.838.925	204.838.925
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>481</b>	<b>377</b>

(l) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi số 3.335.271.541 VND từ lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 04/4/2025. Số trích từ lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2024 được ước tính theo phương pháp bình quân.

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

**5.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	128.794.470.000	112.079.760.000
<b>Cộng</b>	<b>128.794.470.000</b>	<b>112.079.760.000</b>

**5.2 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Cổ phiếu và chứng quyền	103.326.880.000	94.075.300.000
<b>Cộng</b>	<b>103.326.880.000</b>	<b>94.075.300.000</b>

**5.3 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Cổ phiếu	778.905.200.000	8.191.680.000
<b>Cộng</b>	<b>778.905.200.000</b>	<b>8.191.680.000</b>

**5.4 Tiền gửi của khách hàng**

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	386.996.305.855	289.824.563.378
- Của Nhà đầu tư trong nước	386.172.708.073	289.810.369.904
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	823.597.782	14.193.474
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	563.122.936	274.420.215
- Của Nhà đầu tư trong nước	307.755.298	17.997.037
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	255.367.638	256.423.178
<b>Cộng</b>	<b>387.559.428.791</b>	<b>290.098.983.593</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính, cho vay và phải thu**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	51.178.900.359	45.643.448.395
Từ tài sản tài chính HTM	7.393.643.834	8.048.263.315
Từ các khoản cho vay và phải thu	112.278.241.842	94.352.179.993
<b>Cộng</b>	<b>170.850.786.035</b>	<b>148.043.891.703</b>

**6.2 Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán, chi phí lương, chi phí khác)	47.374.678.520	68.879.333.147
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	653.241.322	732.007.875
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.804.014.666	1.640.766.026
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	259.307.498	534.701.640
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(24.607.954)	24.607.954
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	-	444.452.164
<b>Cộng</b>	<b>50.066.634.052</b>	<b>72.255.868.806</b>

**6.3 Chi phí lãi vay**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	59.224.739.880	26.857.152.818
Lãi vay ngân hàng	59.224.739.880	26.857.152.818
<b>Cộng</b>	<b>59.224.739.880</b>	<b>26.857.152.818</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**6.4 Chỉ phí quản lý công ty chứng khoán**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.576.296.555	12.848.517.875
Chi phí vật liệu văn phòng	1.860.375	50.810.675
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	113.531.950	492.295.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	582.108.082	310.578.440
Thuế và các khoản lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	423.198.682	1.560.401.109
Chi phí khác bằng tiền	9.523.482.137	6.381.144.578
<b>Cộng</b>	<b>23.226.477.781</b>	<b>21.649.748.123</b>

**6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi kế toán trước thuế	122.983.492.212	98.521.885.017
Các khoản điều chỉnh	122.925.081	20.170.237.326
Chi phí không được trừ	1.898.833.342	1.880.028.337
Giảm trừ tài sản thuế TNDN hoãn lại kỳ trước	-	(490.953.060)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.267.448.300)	(4.116.790.000)
Hoàn nhập lãi chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (I)	15.934.685.039	23.026.876.659
(Chênh lệch) lãi từ nghiệp vụ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(15.443.145.000)	(128.924.610)
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>123.106.417.293</b>	<b>118.692.122.343</b>
<b>Thu nhập tính thuế trong kỳ</b>	<b>123.106.417.293</b>	<b>118.692.122.343</b>
<b>Thuế suất (%)</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>24.621.283.459</b>	<b>23.738.424.469</b>
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh bổ sung	506.000	358.502.040
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>24.621.789.459</b>	<b>24.096.926.509</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	22.284.982.125	13.545.076.967
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(27.265.488.125)	(18.928.525.007)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>19.621.283.459</b>	<b>18.713.478.469</b>

(i) Đây là phần lãi đánh giá lại giá trị hợp lý tăng so với giá gốc đã được ghi nhận một khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm tài chính 2024. Trong kỳ, các tài sản tài chính FVTPL này đã được bán, Công ty thực hiện hoàn nhập khoản lãi trên để tính thuế TNDN.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

6.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 01/01/2025	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024
	VND	VND	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại - Số dư cuối kỳ	-	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%	-	-
Số dư đầu kỳ	-	3.472.638.633	-	98.190.612
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chênh lệch từ nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu cho vay và lãi vay	-	-	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại hoãn nhập trong năm liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chênh lệch từ nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu cho vay và lãi vay	-	(1.421.785.657)	-	-
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(2.050.852.976)	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả - Số dư cuối kỳ	2.251.405.216	2.349.713.224	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%	-	-
Số dư đầu kỳ	2.349.713.224	4.605.375.332	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế	3.088.629.000	4.425.751.122	3.088.629.000	(4.604.775.332)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn nhập trong năm từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế	(3.186.937.008)	(4.630.560.254)	(3.186.937.008)	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(2.050.852.976)	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(98.308.008)	(4.506.584.720)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Đức Anh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư NTP	Cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty	

**Giao dịch với các bên liên quan**

**Cung cấp dịch vụ**

	<b>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	806.000.000	-
<i>Phí tư vấn đầu tư đã cung cấp</i>	806.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>806.000.000</b>	<b>-</b>

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

	<b>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị</b>	<b>1.523.333.333</b>	<b>2.434.500.000</b>
Ông Nguyễn Đức Anh	926.000.000	872.000.000
Ông Vũ Nhật Lâm (miễn nhiệm ngày 04/4/2025)	317.333.333	1.195.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	140.000.000	187.500.000
Ông Bạch Quốc Vinh	140.000.000	180.000.000
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	<b>70.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	70.000.000	90.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>
Ông Bạch Quốc Vinh	1.400.000.000	1.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.993.333.333</b>	<b>4.324.500.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.2 Thông tin báo cáo bộ phận**

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động cho vay VND	Hoạt động khác (l) VND	Tổng cộng VND
<b>06 tháng đầu năm 2025</b>					
1. Doanh thu	80.137.726.669	42.183.109.779	112.278.241.842	23.435.467.313	258.034.545.603
2. Các chi phí trực tiếp	3.957.094.575	47.374.678.520	-	2.691.955.532	54.023.728.627
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ					82.451.217.661
4. Thu nhập khác không phân bổ					1.423.892.897
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>76.180.632.094</b>	<b>(5.191.568.741)</b>	<b>112.278.241.842</b>	<b>20.743.511.781</b>	<b>122.983.492.212</b>
<b>Số dư tại ngày 30/6/2025</b>					
1. Tài sản bộ phận	2.688.414.376.900	11.730.643.653	2.183.771.908.184	415.874.258.750	5.299.791.187.487
2. Tài sản không phân bổ					558.401.251.908
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.688.414.376.900</b>	<b>11.730.643.653</b>	<b>2.183.771.908.184</b>	<b>415.874.258.750</b>	<b>5.858.192.439.395</b>
<b>Nợ phải trả tại ngày 30/6/2025</b>					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	6.423.751.492	-	-	6.423.751.492
2. Nợ phải trả không phân bổ					3.355.030.018.732
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>6.423.751.492</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.361.453.770.224</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp)

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)

	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động cho vay VND	Hoạt động khác (i) VND	Tổng cộng VND
06 tháng đầu năm 2024 (trình bày lại)					
1. Doanh thu	72.694.972.851	64.339.607.725	94.352.179.993	15.135.684.989	246.522.445.558
2. Các chi phí trực tiếp	28.230.525.709	68.879.333.147	-	3.376.535.659	100.486.394.515
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ					48.507.001.455
4. Thu nhập khác không phân bổ					992.835.429
Lợi nhuận trước thuế	44.464.447.142	(4.539.725.422)	94.352.179.993	11.759.149.330	98.521.885.017
Số dư tại ngày 01/01/2025 (trình bày lại)					
1. Tài sản bộ phận	2.779.791.689.000	9.771.805.023	2.183.452.964.000	308.427.387.050	5.281.443.845.073
2. Tài sản không phân bổ					510.846.277.757
Tổng tài sản	2.779.791.689.000	9.771.805.023	2.183.452.964.000	308.427.387.050	5.792.290.122.830
Nợ phải trả tại ngày 01/01/2025 (trình bày lại)					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	6.068.394.673	-	-	6.068.394.673
2. Nợ phải trả không phân bổ					3.384.607.798.206
Tổng nợ phải trả	-	6.068.394.673	-	-	3.390.676.192.879

(i) Hoạt động khác bao gồm hoạt động đồng bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động đầu tư vào tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn, hoạt động lưu ký chứng khoán và hoạt động tư vấn tài chính.

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.3 Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 30/6/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	6.470.840.385	9.475.754.741
Trên 01 năm đến 05 năm	3.008.285.982	6.840.755.315
<b>Cộng</b>	<b>9.479.126.367</b>	<b>16.316.510.056</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Địa điểm thuê hoạt động	Giá thuê chưa bao gồm thuế GTGT	Đơn vị tính	Thời hạn thuê
Tòa nhà Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.			
Tầng 1	158.945.455	VND/tháng	08/01/2023 - 07/01/2026
Tầng 2	134.673.000	VND/tháng	01/4/2021 - 31/3/2026
Tòa nhà HEAC số 14-16 phố Hàm Long, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.			
Tầng 1	244.692.364	VND/tháng	01/7/2022 - 14/5/2027
Tòa nhà tại địa chỉ số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh			
Tầng 1, 2, 3, 4	265.653.180	VND/tháng	15/4/2025 - 14/10/2025
Tầng 3 nhà B, Tòa nhà số 130 đường Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	36.584.680	VND/tháng	01/6/2024 - 30/6/2027



361  
CÔNG  
TY  
CHỨNG  
KHOÁN  
DSC  
PH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu,  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 25/6/2025, Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ/DSC về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tăng vốn điều lệ từ 2.048.389.250.000 VND lên 2.800.000.000.000 VND. Cụ thể, Công ty dự kiến phát hành 75.161.075 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị phát hành là 751.610.750.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán, đầu tư trái phiếu chính phủ, chứng chỉ tiền gửi, các giấy tờ có giá khác và cho vay giao dịch kỳ quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**7.5 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của kỳ trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của kỳ này.

*Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ*

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	385	(8)	377
2.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	385	(8)	377



Bạch Quốc Vinh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Anh Tuyết  
Người lập



**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Thu được từ đợt tăng vốn điều lệ  
từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND  
(cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023 đến ngày 11/8/2023)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 10-09-2025

Số CT: -- 6076 Quyển số: 02 SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Đỗ Thị Huyền*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

**Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>2 – 3</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	<b>4 – 5</b>
<b>BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN</b>	<b>6 – 10</b>
<b>THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN</b>	<b>11 – 13</b>

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023  
đến ngày 11/8/2023

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND của Công ty cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023 đến ngày 11/8/2023 đã được kiểm toán (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong giai đoạn và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Bùi Văn Hùng	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 04/4/2025)
Ông Vũ Nhật Lâm	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 04/4/2025)

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong giai đoạn và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong giai đoạn và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn và cho đến thời điểm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn này là ông Nguyễn Đức Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bạch Quốc Vinh – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đức Anh ủy quyền ký Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo Giấy ủy quyền số 04/2024/UQ-CTHĐQT/DSC ngày 04/7/2024.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty phản ánh một cách trung thực và và hợp lý tình hình sử dụng vốn theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Trong việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn, Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách thích hợp áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Thực hiện các ước tính hợp lý trong từng trường hợp và duy trì đầy đủ tài liệu sổ sách liên quan đến Báo cáo tình hình sử dụng vốn;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023  
đến ngày 11/8/2023

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán, chứng từ kế toán được lập và ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu với tổng số tiền là 1.048.389.250.000 VND để tăng vốn điều lệ của Công ty và đảm bảo Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty được lập phù hợp trên cơ sở các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

#### **CÔNG BỐ BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND kèm theo phản ánh tình hình sử dụng vốn của Công ty phù hợp với phương án sử dụng vốn được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt thông qua các Nghị quyết được trình bày tại Thuyết minh 3 "Phương án sử dụng vốn" cũng như phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Bạch Quốc Vinh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 22 tháng 7 năm 2025

/89-

NG  
NH  
ÁN &  
/1BT  
NH  
IA N  
ẤY



# RSM

RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội  
Tầng 25 Tháp A, toà nhà Discovery Complex,  
số 302 Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

T: 024 3795 5353

F: 024 3795 5252

[www.rsm.global/vietnam](http://www.rsm.global/vietnam)

[www.rsmhanoi.com.vn](http://www.rsmhanoi.com.vn)

Số: 161/2025/RSMHN-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023 đến ngày 11/8/2023

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC**

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023 đến ngày 11/8/2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày từ trang 06 đến trang 13.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Chúng tôi tin rằng bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU**  
**KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN**

RSM Việt Nam là một thành viên của mạng lưới RSM. RSM là tên giao dịch được sử dụng bởi các thành viên của mạng lưới RSM. Mỗi thành viên của mạng lưới RSM là một công ty kiểm toán và tư vấn độc lập với các quyền riêng. Mạng lưới RSM không có tư cách pháp nhân theo luật pháp tại bất kỳ quốc gia nào.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND của Công ty cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023 đến ngày 11/8/2023 phù hợp với các các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

### Đối tượng và mục đích sử dụng

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.3 "Mục đích sử dụng báo cáo", Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập nhằm đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Báo cáo này nên được đọc một cách riêng rẽ và không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC.

### Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại để thay thế Báo cáo kiểm toán số 119/2025/RSMHN-BCKT ngày 23/4/2025 do Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định khoản vốn sử dụng cho hoạt động "Ứng trước tiền bán chứng khoán", số tiền 125.584.000.000 VND thuộc khoản mục "Bổ sung vốn cho các hoạt động hợp pháp khác của Công ty" thay vì khoản mục "Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch chứng khoán ký quỹ" như tại Thuyết minh 4. "Tình hình sử dụng vốn" căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/2025/NQ-HĐQT/DSC ngày 17/7/2025.



**Hoàng Thị Vinh**  
Giám đốc Kiểm toán  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2023-026-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2025*

**Lê Đại Dương**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
4650-2021-026-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**  
Cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023  
đến ngày 11/8/2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ  
TỪ 1.000.000.000.000 VND LÊN 2.048.389.250.000 VND**

**1. Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ**

STT	Nội dung	Thông tin chung	
1	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	
2	Mã cổ phiếu	DSC	
3	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	
4	Mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu	
5	Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND	1.048.389.250.000 VND	
		Thông tin chi tiết	
		Đợt 1: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Đợt 2: Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu
6	Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành	5.000.000 cổ phiếu	100.000.000 cổ phiếu
7	Tỷ lệ số cổ phiếu dự kiến phát hành trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành	5%	100%
8	Giá phát hành	10.000 VND/cổ phiếu	10.000 VND/cổ phiếu
9	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành	50.000.000.000 VND	1.000.000.000.000 VND
10	Phương thức phân phối	Phát hành quyền mua cổ phiếu cho cán bộ nhân viên trong Công ty	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu
11	Ngày kết thúc đợt phát hành	04/7/2023	12/7/2023
12	Tổng số cổ phiếu đã phân phối	4.883.700 cổ phiếu	99.955.225 cổ phiếu
13	Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	48.837.000.000 VND	999.552.250.000 VND

**2. Chi tiết nhận tiền góp vốn**

**2.1 Đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động**

Ngày nhận	Cổ đông góp vốn	Số tiền VND
26/6/2023	Các cổ đông khác (người lao động)	250.000.000
03/7/2023	Các cổ đông khác (người lao động)	47.434.000.000
04/7/2023	Các cổ đông khác (người lao động)	1.153.000.000
<b>Cộng</b>		<b>48.837.000.000</b>

Toàn bộ tiền góp vốn được chuyển khoản thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đông Hà Nội.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**  
**TỪ 1.000.000.000.000 VND LÊN 2.048.389.250.000 VND (TIẾP)**

**2. Chi tiết nhận tiền góp vốn (tiếp)**

**2.2 Đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu**

Tài khoản nhận tiền:	Tài khoản 565555686868 – Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank) – Chi nhánh Sở giao dịch 3.
Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành:	999.552.250.000 VND
Số lượng cổ phiếu chào bán:	100.000.000 cổ phiếu
Giá phát hành:	10.000 VND/cổ phiếu
Chi phí phát hành:	58.100.000 VND
Tổng thu ròng:	999.494.150.000 VND

Toàn bộ tiền góp vốn được chuyển khoản thông qua Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank) - Chi nhánh Sở giao dịch 3.

**3. Phương án sử dụng vốn**

Phương án sử dụng vốn được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt thông qua các Nghị quyết sau:

**Nội dung liên quan đến phương án sử dụng vốn**

<b>Văn bản</b>	<b>Đợt 1: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động</b>	<b>Đợt 2: Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu</b>
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 12/12/2022	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") và phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu (bao gồm phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành)	
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 31/3/2023		Thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được trong đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 25/3/2024	Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt tăng vốn điều lệ trong năm 2023 theo tờ trình ĐHĐCĐ số 11/2024/TTr-ĐHĐCĐ/DSC ngày 27/2/2024	
Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 29/2022/NQ-HĐQT/DSC ngày 12/12/2022		Thông qua chi tiết phương án triển khai và hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 12/01/2023, số 06/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 20/02/2023 và số 10/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 01/3/2023		Thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được trong đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND
Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 18/4/2023		Thông qua chi tiết nội dung liên quan đến đợt chào bán phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023 đến ngày 11/8/2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ  
TỪ 1.000.000.000.000 VND LÊN 2.048.389.250.000 VND (TIẾP)**

**3. Phương án sử dụng vốn (tiếp)**

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 57/GCN-UBCK ngày 19/5/2023 cho đợt tăng vốn từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi Công văn số 4945/UBCK-QLKD ngày 12/7/2023 về việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được đầy đủ tài liệu Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty.

**4. Tình hình sử dụng vốn**

Theo Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt tăng vốn điều lệ trong năm 2023 theo tờ trình ĐHCĐ số 11/2024/TTr-ĐHCĐ/DSC ngày 27/2/2024 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHCĐ/DSC ngày 25/3/2024, cụ thể tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND được thể hiện chi tiết như sau:

**Đợt 1: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động**

Công ty sử dụng toàn bộ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, số tiền 48.837.000.000 VND để trả nợ vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội (\*\*).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023 đến ngày 11/8/2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ  
TỪ 1.000.000.000.000 VND LÊN 2.048.389.250.000 VND (TIẾP)**

**4. Tình hình sử dụng vốn (tiếp)**

**Đợt 2: Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu**

STT	Mục đích sử dụng	Kế hoạch đã được phê duyệt		Tình hình sử dụng thực tế		
		Tỷ lệ so với tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	Thời gian dự kiến sử dụng	Số tiền đã sử dụng (VND)	Tỷ lệ so với tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	Thời gian sử dụng
1	Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch chứng khoán ký quỹ (không bao gồm hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán) (*)	49,0%	Trong năm 2023	568.648.250.000	56,89%	Từ ngày 31/7/2023 đến ngày 11/8/2023
2	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán (*)	49,5%	Trong năm 2023	3.600.000.000	0,36%	Từ ngày 04/8/2023 đến ngày 08/8/2023
3	Bổ sung vốn nâng cao năng lực tài chính của Công ty để thực hiện các hợp đồng bảo lãnh phát hành	1,0%	Trong năm 2023	-	0,00%	
4	Bổ sung vốn cho việc cung cấp dịch vụ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm	0,3%	Trong năm 2023	-	0,00%	
5	Bổ sung vốn cho các hoạt động hợp pháp khác của Công ty (bao gồm hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán) (**)	0,2%	Trong năm 2023	427.304.000.000	42,75%	Tháng 7/2023
<b>Cộng</b>		<b>100%</b>		<b>999.552.250.000</b>	<b>100%</b>	

Căn cứ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông Công ty tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 31/3/2023, nguồn vốn phân bổ thu được trong đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND có thể được luân chuyển linh động trong các hoạt động nêu trên của Công ty để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty từng thời kỳ. Trong thời gian chưa sử dụng hoặc chưa sử dụng hết số tiền dự kiến được phân bổ vào các hoạt động nêu trên thì nguồn vốn thu được có thể được chuyển thành tiền gửi theo các Hợp đồng tiền gửi để tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn và nâng cao năng lực tài chính cho các hoạt động khác của Công ty.





BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT TÀNG VỐN ĐIỀU LỆ  
TỪ 1.000.000.000 VND LÊN 2.048.389.250 VND (TIẾP)

4. Tình hình sử dụng vốn (tiếp)

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định khoản vốn sử dụng cho hoạt động "Ứng trước tiền bán chứng khoán", số tiền 125.584.000.000 VND thuộc khoản mục "Bổ sung vốn cho các hoạt động hợp pháp khác của Công ty" thay vì khoản mục "Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch chứng khoán ký quỹ" căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/2025/NQ-HĐQT/DSC ngày 17/7/2025.

(\*) Tại ngày 11/8/2023, số dư các khoản cho vay ký quỹ khách hàng và cổ phiếu tự doanh của Công ty lần lượt là 1.248.188.186.397 VND và 94.808.386.784 VND, trong đó một phần được Công ty xác định là sử dụng từ nguồn tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND như được trình bày ở trên.

(\*\*) Công ty sử dụng nguồn vốn thu được để trả nợ vay các ngân hàng, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số tiền từ đợt 1 (VND)	Số tiền từ đợt 2 (VND)	Tổng số tiền (VND)
Ngân hàng TMCP Đầu tư Việt Nam – Chi nhánh Đống Hà Nội	48.837.000.000	20.000.000	48.857.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Việt Nam – Chi nhánh Đống Hà Nội	-	175.700.000.000	175.700.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ	-	126.000.000.000	126.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>48.837.000.000</b>	<b>301.720.000.000</b>	<b>350.557.000.000</b>



Bạch Quốc Vĩnh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 7 năm 2025

*(Signature)*

Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng

*(Signature)*

Nguyễn Thị Ánh Tuyết  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và lần thay đổi bổ sung gần nhất ngày 23/8/2023 theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK điều chỉnh vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất là 2.048.389.250.000 VND. Số lượng cổ phiếu là 204.838.925 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngày 24/9/2024, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DSC theo Quyết định số 550/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2024.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong giai đoạn báo cáo là:

- Tự doanh;
- Môi giới chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC – Phòng giao dịch Hàm Long	Tầng 1 số 14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Tầng 03, số 130 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**  
Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu  
P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**  
Cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023  
đến ngày 11/8/2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo*

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu – thực chi và là một bộ phận trong tổng dòng tiền thu, chi của Công ty.

**2.2 Kỳ báo cáo**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập cho việc sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND từ ngày 05/7/2023 (sau ngày kết thúc tăng vốn đợt 1) đến ngày 11/8/2023 (ngày cuối cùng sử dụng hết nguồn vốn thu được từ 02 đợt phát hành trong năm 2023).

**2.3 Mục đích sử dụng báo cáo**

Báo cáo tình hình sử dụng vốn cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023 đến ngày 11/8/2023 được lập cho mục đích báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND theo các quy định pháp lý liên quan.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này là một trong các tài liệu để Công ty nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu để chuẩn bị cho đợt tăng vốn điều lệ từ 2.048.389.250.000 VND VND lên 2.800.000.000.000 VND đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 04/4/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 25/6/2025. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Báo cáo này nên được đọc một cách riêng rẽ và không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC.

**3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn đòi hỏi điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Cho giai đoạn từ ngày 05/7/2023 đến ngày 11/8/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo

4. THÔNG TIN KHÁC

Từ ngày 23/7/2023 (ngày làm việc đầu tiên sau ngày báo cáo tăng vốn từ 1.000.000.000 VND lên 2.048.389.250.000 VND) đến ngày 31/12/2023, thông tin dòng tiền ròng giải ngân cho các hoạt động cho vay kỳ quỹ và tự doanh như sau:

STT	Diễn giải	Số dư gốc cho vay kỳ quỹ/cổ phiếu tự doanh tại ngày 31/12/2023 (VND)	Số dư gốc cho vay kỳ quỹ/cổ phiếu tự doanh tại ngày 23/7/2023 (VND)	Dòng tiền ròng giải ngân cho hoạt động (VND)	Dòng tiền ròng được Công ty xác định sử dụng từ tổng số tiền thu được từ 2 đợt tăng vốn trong năm 2023 (VND)	Tỷ lệ (c) so với tổng số tiền thu được từ 02 đợt tăng vốn trong năm 2023 (%)
		(a)	(b)	(a)-(b)	(c)	
1	Hoạt động cho vay giao dịch chứng khoán ký quỹ	1.389.807.851.964	956.815.240.366	432.992.611.598	432.878.226.659	41
2	Hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán	206.644.541.553	92.122.768.212	114.521.773.341	114.521.773.341	11
	Cộng	1.596.452.393.517	1.048.938.008.578	547.514.384.939	547.400.000.000	53

(c): Căn cứ Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt tăng vốn điều lệ trong năm 2023 theo tờ trình ĐHCĐ số 11/2024/TT-ĐHCĐ/DSC ngày 27/2/2024 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHCĐ/DSC ngày 25/3/2024.

Trong thời gian đó, dòng tiền thu hồi được Công ty chuyển thành các hợp đồng tiền gửi và trả nợ vay ngân hàng để tối ưu hiệu quả sử dụng vốn và nâng cao năng lực tài chính cho các hoạt động khác của Công ty.



Bách Quốc Vinh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 22 tháng 7 năm 2025

Trần Minh Toàn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Tuyết  
Người lập

